

ĐẠO MINH SƯ TRONG ĐỜI SỐNG XÃ HỘI NAM BỘ NỬA CUỐI THẾ KỶ 19 ĐẾN NỬA ĐẦU THẾ KỶ 20

Tóm tắt: Đạo Minh Sư là một tôn giáo được du nhập vào Việt Nam cuối thế kỷ 19, do trưởng lão Đông Sơ thuộc Tiên Thiên đạo từ Triều Nguyên Động (Quảng Đông) truyền vào Nam Bộ, sau đó lan rộng khắp cả nước. Từ nửa cuối thế kỷ 19 đến hết nửa đầu thế kỷ 20, đạo Minh Sư đã xây dựng hơn 100 ngôi chùa (thường gọi là Phật đường) khắp cả nước, thu nhận hàng vạn tín đồ cả người Hoa lẫn người Việt. Đến nay, trải qua hơn 150 năm đầy những biến động lịch sử, đạo Minh Sư còn lại hơn 50 ngôi chùa, phần lớn tập trung ở khu vực từ Huế trở vào Nam. Chùa Minh Sư lưu giữ khá nhiều di sản văn hóa, phong phú về các mặt kiến trúc, điêu khắc, hình tượng, biển ngạch, câu đối, văn bia, kinh điển, sách cơ bút, thơ ca, Không chỉ là cơ sở thờ phượng tu hành, chùa Minh Sư còn là địa chỉ hội tụ các chí sĩ yêu nước Việt Nam trong công cuộc phản kháng chế độ toàn trị của thực dân Pháp. Có thể nói, đạo Minh Sư đã có những ảnh hưởng và đóng góp vào quá trình phát triển xã hội Nam Bộ.

Từ khóa: Nam Bộ; Đạo Minh Sư; Tiên Thiên đạo.

Dẫn nhập

Mùa thu năm 2016, chúng tôi có dịp khảo sát một tôn giáo dân gian thịnh hành một thời ở Nam Bộ là đạo Minh Sư. Kết quả khảo sát tại nhiều địa điểm, như: chùa Ngọc Hoàng (Tp. Hồ Chí Minh), Quang Nam Phật đường (Tp. Hồ Chí Minh), Quang Nam Phật đường (Vũng Tàu) khiến chúng tôi thực sự ngạc nhiên và cảm phục, nên đã tiếp tục mở rộng khảo sát thêm các ngôi chùa Minh Sư tại miền Tây Nam Bộ,

* Khoa Sư phạm, Đại học An Giang.

Bài viết này được hoàn thiện trên cơ sở bài tham luận Hội thảo: *Triết lý nhân sinh của người dân Nam Bộ*, được tổ chức tại An Giang, ngày 30/8/2018.

Ngày nhận bài: 18/7/2018; Ngày biên tập: 15/8/2018; Ngày duyệt đăng: 6/9/2018.

như: Nam Nhã Phật đường (Tp. Cần Thơ), Kim Sơn Phật đường (An Giang),.... Nhờ sự giúp đỡ tư liệu và chỉ bảo nhiệt tình của các vị chức sắc, tín đồ trong đạo, diện mạo của một giáo phái Tiên Thiên đạo đã cắm rễ ở Nam Bộ hơn 150 năm qua, chúng tôi dần rõ ràng hơn, đủ để giới thiệu một tôn giáo có nhiều đóng góp cho xã hội Nam Bộ từ trước đến nay.

Tên gọi Minh Sư đạo hay Tiên Thiên đạo đã từng xuất hiện nhiều trong các công trình nghiên cứu về nhân loại học, tôn giáo học, dân tộc học của các tác giả Việt Nam như Sơn Nam, Vương Hồng Sển, Phan An, Trần Hồng Liên, Huỳnh Ngọc Thu, Đinh Văn Hạnh, Lê Anh Dũng,.... Gần đây, nhiều bài viết trực tiếp giới thiệu đạo Minh Sư được đăng tải như *Vài nét về Phật đường Nam tông Minh Sư đạo* của Trần Tiến Thành, *Tông phái Minh Sư và giáo lý cứu thế* của Trương Ngọc Tường, *Ngũ chi minh đạo - Minh sư đạo* của Huệ Nhẫn, *Giới thiệu về Ngũ chi Minh đạo và Minh Sư đạo ở Việt Nam* của Nguyễn Ngọc Huân, *Minh lý đạo - Tam Tông Miếu tự tu tự độ hướng tới một xã hội hòa bình an lạc* của Nguyễn Hồng Dương,.... Các tác giả đã cung cấp một cái nhìn khái quát về nguồn gốc lịch sử, tình hình phát triển, tư tưởng giáo lý, nghi thức tôn giáo, ảnh hưởng xã hội của đạo Minh Sư, chỉ ra nhiều manh mối để người đi sau tiếp tục khai thác.

Liên quan đến lĩnh vực này, các tác giả nước ngoài cũng có nhiều công trình đáng chú ý, như: Takeuchi Fusaji (Nhật Bản) với *Sự truyền bá của tôn giáo dân gian Trung Quốc và quá trình bản địa hóa ở Việt Nam: Từ kinh sách được lưu trữ tại Viện Nghiên cứu Hán Nôm và Từ Tiên Thiên đạo đến Cao Đài: Tôn giáo dân gian cận đại Trung Quốc cắm rễ trên đất Việt Nam*, Du Tử An (Hong Kông) với *Đạo mạch nam truyền: Sự truyền thừa và biến thiên của Tiên Thiên đạo từ Lĩnh Nam đến Việt Nam thế kỷ 20*, Vương Thâm Phát (Malaysia) với *Phát hiện mới về sự lưu truyền sớm nhất của Thanh Liên giáo ở Nam Dương*, Ngụy Đình Minh (Hong Kông) với *Đại đạo hướng nam: Lưu truyền Tiên Thiên đạo ở Thái Lan,...* Các công trình trên cung cấp nhiều cứ liệu quý liên quan đến đạo Minh Sư, từ việc truyền bá, bản địa hóa, hoạt động tôn giáo, đặc điểm truyền thừa, đóng góp xã hội, đến giáo lý

tư tưởng, nghi thức tu luyện, v.v...

Bài viết này dựa trên kết quả điều tra điền dã, liên hệ với kinh sách, sử liệu xưa và quan điểm của nhiều học giả, một mặt giới thiệu đạo Minh Sư ở Nam Bộ, mặt khác góp phần làm sáng tỏ những đóng góp của đạo này vào sự phát triển xã hội Nam Bộ nửa cuối thế kỷ 19 đến nửa đầu thế kỷ 20.

1. Sự du nhập và ảnh hưởng của đạo Minh Sư ở Việt Nam

Đạo Minh Sư có tên đầy đủ là Phật Đường Nam Tông Minh Sư Đạo, tài liệu của Pháp gọi là đạo Phật Đường, là một tôn giáo dân gian đã được đổi tên từ Tiên Thiên đạo ở Trung Quốc khi du nhập vào Việt Nam giữa thế kỷ 19. Từ tên gọi này, có thể suy rằng, Minh Sư đạo có liên hệ mật thiết đến sự kiện Lục Tổ Huệ Năng đem Thiên pháp truyền bá khắp vùng Lĩnh Nam (“Nam tông” dùng để phân biệt với “Bắc tông” do ngài Thần Tú truyền Thiên đến khu vực Hoa Bắc), cũng có liên hệ với sự kiện tổ sư đời thứ 8 La Úy Quần sáng lập phái “Phật đường”. Những điểm này học giới đều công nhận, nhưng tên gọi “đạo Minh Sư” vẫn còn nhiều ý kiến khác nhau. Có người cho rằng “Minh Sư” là vị đạo sư dẫn dắt tín chúng cầu đạo; quan điểm khác cho rằng chỉ đoàn quân (“Sư” trong tiếng Hán cũng có nghĩa là đơn vị quân đội) sót lại của nhà Minh mong muốn “phản Thanh phục Minh”; một quan điểm khác lại cho rằng, do một bậc đạo sư sống dưới nhà Minh sáng lập. Chúng tôi thấy hai quan điểm đầu khá phù hợp, một mặt phản ánh tinh thần yêu nước và nguyện vọng khôi phục cựu triều, một mặt thể hiện thái độ của tín đồ về vai trò quan trọng của bậc đạo sư “khai quang điểm nhãn”. Rất có thể trong bối cảnh Việt Nam bị Pháp xâm lược, từ “Minh Sư” được dùng để ca ngợi tổ sư của đạo, thể hiện tính phi chính trị của đạo, tránh sự giám sát quấy nhiễu của thực dân Pháp.

Liên quan thời điểm Tiên Thiên đạo du nhập vào Việt Nam, các giả thuyết đều cho rằng, vào năm Tự Đức thứ 16 (1863). Dựa vào những ghi chép hiện còn, đạo này do tổ thứ 16 của Tiên Thiên đạo là ngài Trưởng lão Đông Sơ từ Bangkok (Thái Lan) truyền sang Việt Nam¹, đầu tiên lan truyền trong cộng đồng người Hoa di cư, sau ảnh hưởng rộng khắp cả nước. Cuối thế kỷ 19 đầu thế kỷ 20, hơn 100 ngôi Phật

đường được xây dựng, là thời kỳ hưng thịnh nhất trong lịch sử phát triển của đạo. *Vô Cực Truyền Tông Chí* là quyển sách lưu hành nội bộ trong chùa Minh Sư, chép về quá trình truyền thừa qua các đời của đạo Minh Sư từ thời Phật Thích Ca Mâu Ni đến năm 1887, đặc biệt nhấn mạnh quá trình truyền đạo sang Đông Nam Á². Sách này khẳng định, đạo Minh Sư kế thừa dòng thiền từ Bồ Đề Đạt Ma truyền đến Lục Tổ Huệ Năng, đạo mạch đình trệ một thời gian, tiếp đó Mã Công Đạo Nhất và Bạch Ngọc Cư sĩ kế thừa làm tổ đời thứ 7. Về sau, dòng thiền này bị đình đốn đến 700 năm do triều đình cấm đoán và hủy hoại. Từ khi Mãn Thanh lật đổ nhà Minh, các cự thần chia làm 2 nhóm, các võ quan thành lập Thiên Địa Hội, các văn quan thành lập Tiên Thiên Đạo, kế thừa phái Phật Đường của La Úy Quân, trở thành các tổ chức vừa mang màu sắc tôn giáo, vừa là bang phái bí mật, luôn nuôi dưỡng mục đích “phản Thanh phục Minh”.

Do nhà Thanh ngày một cường thịnh, lại không ngừng trấn áp các lực lượng đối kháng, nên người Minh Hương di cư khắp Đông Nam Á, trong đó có Việt Nam. Nhất là sau khởi nghĩa Nghĩa Hòa Đoàn, một bộ phận tàn quân chạy trốn sang Việt Nam, góp phần làm nên sự ảnh hưởng của tôn giáo tín ngưỡng Trung Quốc đến Nam Bộ. Tiên Thiên đạo theo nhiều đường truyền đến Việt Nam, sau một giai đoạn phát triển đã chia làm 3 tông phái: Tông Đức Tế do đại lão sư Vương Đạo Thâm lãnh đạo; Tông Phổ Tế do đại lão sư Trần Đạo Quang lãnh đạo và Tông Hoàng Tế do đại lão sư Lâm Đạo Nguyên lãnh đạo. Ba tông phái này lại tiếp tục chia làm 5 chi phái là Minh Thiện, Minh Lý, Minh Sư, Minh Tân, Minh Đường, thường gọi là Ngũ chi minh đạo³.

Chúng tôi cho rằng trước khi tổ sư Đông Sơ truyền sang thì Tiên Thiên đạo đã có mặt ở Việt Nam, nghĩa là được du nhập sớm hơn thời điểm năm 1863. Bởi lẽ trước đó, những tư tưởng giáo lý, nghi thức tín ngưỡng và phương pháp tu hành của Tiên Thiên đạo đã được truyền vào miền Bắc Việt Nam, khác với đạo mạch do ngài Đông Sơ truyền sang phía Nam. Nhưng vì Bắc Bộ từ sớm đã tồn tại Đạo giáo, nên Tiên Thiên đạo mới du nhập đã lan truyền trong chính các đền miếu Đạo giáo có sẵn, như: đền Ngọc Sơn, đền Quán Thánh, đền Bạch Mã... mà không xây mới chùa miếu như ở Nam Bộ.

Từ năm 1863 trở đi, khắp các tỉnh thành ở Nam Bộ, nhiều ngôi Phật đường Minh Sư đạo lần lượt mọc lên. Sớm nhất có thể kể đến là Quảng Tế Phật đường (Hà Tiên), Chiêu Minh Phật đường (Cầu Kho, Tp. Hồ Chí Minh), Long Hoa Phật đường (cạnh Chùa Ngọc Hoàng, Tp. Hồ Chí Minh), Tam Tông Miếu (Tp. Hồ Chí Minh), Quang Nam Phật đường (Tp. Hồ Chí Minh), Nam Nhã Phật đường (Cần Thơ), Vân Nam Tự (Bình Định), Quang Nam Phật đường (Vũng Tàu), Vận Bửu Phật đường (Tiền Giang), Quán Âm Phật đường (Phú Quốc), v.v...

Tiên Thiên đạo truyền vào Việt Nam, dần dần được bản địa hóa và đại chúng hóa, điển hình là việc nhiều vị thần linh Việt Nam, như: Phù Đổng Thiên Vương, Công Chúa Liễu Hạnh, Trần Hưng Đạo, Nguyễn Bình Khiêm,... được đưa vào phối thờ với các vị thần linh cổ hữu của đạo này, như: Ngọc Hoàng Thượng Đế, Diêu Trì Kim Mẫu, Tam Giáo tổ sư, Quán Âm Cổ Phật, Lã Động Tân,... Đầu thế kỷ 20, phong trào phò loan thỉnh cơ bút lan rộng, Phật đường Minh Sư ở các nơi đều thiết đàn cầu xin tiên dược trị bệnh hoặc vấn đạo tu hành, nhiều vị thần linh của Việt Nam cũng giáng đàn dạy đạo và ban thuốc trị bệnh.

Ngày 01/10/2008, Chính phủ trao quyết định công nhận tổ chức tôn giáo của Giáo hội Phật Đường Nam Tông Minh Sư Đạo. Tôn chỉ và mục đích hoạt động của Giáo hội là “Hiệp nhất tinh hoa của ba nền tôn giáo Nho - Thích - Đạo để từ đó tu hành, tự độ, độ tha nhằm giáo hóa chúng sinh, hồi đầu hướng thiện, tu chân giải thoát”. Quang Nam Phật đường (Tp. Hồ Chí Minh) được chọn làm Tổ đình, người đại diện cao nhất hiện nay là lão sư Trần Vận Như (Trần Tích Định). Theo số liệu thống kê, Phật đường Minh Sư hiện có ở 18 tỉnh thành cả nước với tổng cộng 53 ngôi chùa, khoảng 300 vị lão sư, gần 12.000 giáo đồ.

2. Những đóng góp của đạo Minh Sư trong đời sống xã hội Nam Bộ

Phía sau sự truyền bá một tôn giáo sang một vùng đất mới, luôn tồn tại rất nhiều nhân tố chính trị, kinh tế, văn hóa, lịch sử của thời đại. Vào nửa đầu thế kỷ 19, nhà Thanh một mặt phải đối phó với các phong trào phản kháng của nhiều tôn giáo dân gian, một mặt phải đối

phó với thực dân Phương Tây xâm nhập. Bối cảnh xã hội ở Trung Quốc gần giống với những khó khăn mà nhà Nguyễn ở Việt Nam từ thời Tự Đức trở về sau phải đối mặt. Sự nổi dậy của các tôn giáo dân gian ở Trung Quốc, được thúc đẩy bởi giới đạo sĩ đầy niềm tin về sự trợ lực của thần quyền, đã uy hiếp quyền lực thống trị của nhà Thanh. Mâu thuẫn chủ yếu của xã hội, từ mâu thuẫn giữa dân chúng và chính quyền (mâu thuẫn Hoa - Di, tức người Hán và người Mãn), chuyển dần sang mâu thuẫn giữa quốc dân và thực dân (mâu thuẫn Hoa - Dương, tức người Trung Quốc và người Phương Tây). Các phong trào chính trị của các tôn giáo dân gian ở Việt Nam cũng mang màu sắc tương tự là “phản Pháp phục Nam”.

Đạo Minh Sư truyền vào Việt Nam, chùa Minh Sư trở thành một trong những trung tâm tôn giáo, văn hóa, giáo dục ở Nam Bộ, đóng vai trò như một thành lũy giữ gìn chủ quyền của văn hóa truyền thống. Với vị trí xã hội đặc thù đó, đạo Minh Sư trong suốt hơn 150 năm qua đã tạo nên những cống hiến to lớn cho xã hội Việt Nam, đặc biệt là vùng đất Nam Bộ, nơi có nhiều cơ sở thờ tự nhất. Chúng tôi tạm chia ra 5 phương diện để trình bày như dưới đây:

2.1. Mở ra một pháp tu mới để hóa độ chúng sinh

Tam giáo ngay từ rất sớm đã truyền vào Việt Nam. Phật giáo khoảng thế kỷ 2 sau Công nguyên theo hai đường thủy, lục từ Ấn Độ và Trung Quốc truyền vào Việt Nam. Nho giáo và Đạo giáo vào thời Tam Quốc nhờ Sĩ Nhiếp dựng nền Hán học ở Giao Châu mà ảnh hưởng mạnh mẽ đến Việt Nam. Do suốt gần 2.000 năm đắm mình trong bầu không khí tư tưởng Tam giáo, nên người Việt Nam có lẽ rất dễ dung nạp những giáo thuyết cách tân dung hợp tư tưởng Tam giáo từ bên ngoài truyền vào.

Đạo Minh Sư từ năm 1863 chính thức được truyền đến Nam Bộ, chùa miếu liên tục được kiến tạo, dĩ nhiên thu hút sự quan tâm tìm hiểu của tín chúng người Hoa lẫn Việt. Do đạo này dung nạp tín ngưỡng Diêu Trì Kim Mẫu, “cho rằng bản tính con người là lương thiện, đều là 96 ức nguyên căn chúng tử do Diêu Trì Kim Mẫu cho xuống thế gian, nhưng sau khi giáng thế làm người, đã bị thất tình lục dục mê hoặc, làm mê muội bản tính vốn có, mất đi nguồn gốc ban

đầu, mất tính tiên thiên, lưu lạc hậu thiên, nên phải phản bổn hoàn nguyên, khôi phục tiên thiên, công thành quả mãn thì được trở về cung Diêu Trì... Về phương diện phương thức tu trì, Tiên Thiên đạo chủ trương Tam giáo hợp nhất, thực hành lễ nghĩa Nho giáo, giữ gìn giới luật Phật giáo và tu luyện theo kiểu Đạo giáo, trọng tâm là thực hành tu luyện nội đan và hành thiện tích đức, thọ trì tam quy ngũ giới chính là giới hạnh căn bản nhất. Ngoài nội tu, Tiên Thiên đạo còn chú trọng công quả bên ngoài⁴. Có thể thấy, việc sùng bái thần linh tối cao là Diêu Trì Kim Mẫu, rất gần gũi với tín ngưỡng thờ Mẫu của người Việt, nên dễ dàng được người Việt tiếp thu.

Đạo Minh Sư đề xướng quan niệm cứu thế thoát khỏi kiếp nạn, giải thích lại nhiều tư tưởng Tam giáo truyền thống. Đối với dân chúng Việt Nam đang đối mặt với những biến động chính trị xã hội đương thời, đang cần một chỗ dựa tâm linh để an ủi tinh thần, thì Đạo Minh Sư mở ra một cánh cửa để dẫn dắt, giáo hóa, cứu độ chúng sinh giác ngộ, thuyết phục được một bộ phận dân chúng Hoa - Việt sùng bái tu hành.

2.2. Ủng hộ phong trào yêu nước và vận động cải cách xã hội

Cuối thế kỷ 19 đầu thế kỷ 20, tình hình chính trị Việt Nam biến động dữ dội, triều đình nhà Nguyễn không còn giữ thực quyền lãnh đạo, thực dân Pháp thao túng mọi quyền lực và ra sức đàn áp các phong trào đấu tranh vũ trang yêu nước. Xã hội Việt Nam rơi vào thời kỳ bị ngoại bang cai trị, nhiều chí sĩ yêu nước đã đứng dậy, lựa chọn nhiều phương thức đấu tranh khác nhau để hộ quốc an dân và thúc đẩy cải cách xã hội, thậm chí tìm đến cả con đường siêu linh thần bí, đúng như tác giả Nhật Bản Takeuchi Fusaji nhận định:

Cuối thế kỷ 19 đầu thế kỷ 20, phong trào cơ bút đã rất thịnh hành ở các đàn cơ miền Bắc Việt Nam. Có thể nói, điều này có tác dụng to lớn đến việc tôn giáo dân gian thâm nhập vào đời sống nội tâm của các nhân sĩ tôn giáo và phân tử trí thức. Trong hoạt động tôn giáo mà các đàn cơ tổ chức, chủ thể của các hoạt động này là tầng lớp văn thân mà trung tâm là các phân tử trí thức Nho học. Đặc biệt là, trước sau năm 1884, khi thực dân Pháp chính thức chiếm lĩnh và thao túng Việt Nam, các văn thân một mặt cố thủ làng quê, đối kháng lại thế lực xâm

lược, một mặt thông qua hoạt động cầu cơ bút, cố níu giữ giá trị quan cũ xưa mà Nho - Phật - Đạo là nền tảng cơ bản⁵.

Trong thời kỳ cuộc vận động cách tân xã hội đang diễn ra, rất nhiều chí sĩ yêu nước nổi tiếng của Việt Nam, như: Phan Chu Trinh, Phan Bội Châu, Phan Công Hớn, Trần Cao Vân,... đều từng tham gia các đàn cơ ở Đạo quán hoặc Phật đường để cầu xin cơ bút dẫn dắt con đường cứu nước. Chẳng hạn, Phan Chu Trinh (1872-1926) từng tham dự đàn cơ ở đền Ngọc Sơn và Văn Võ Miếu. Sau đó, năm 1908 các phần tử trí thức thuộc phe cải cách bắt đầu thúc đẩy phong trào Duy Tân⁶. Phan Bội Châu (1867-1940) và Kỳ Ngoại Hầu Cường Để (1882-1951) năm 1913 từng ở Nam Nhã Phật đường (Cần Thơ) trao đổi với các văn thân Nam Kỳ, đồng thời kêu gọi quyên góp ngân quỹ cho phong trào Đông Du. Theo Trần Tiến Thành, *Nam Nhã Phật đường* cũng từng là trụ sở hoạt động của phong trào Duy Tân và phong trào Đông Du ở Nam Bộ. Thái lão sư Nguyễn Đạo Cơ trong Phật đường đã trực tiếp tham gia phong trào Đông Du, ngài trụ trì lão sư Long Khê và ngài Nguyễn Đạo Cơ vì ủng hộ cho phong trào Đông Du nên bị người Pháp giam giữ. Vận Bảo Phật đường ở Gò Công (Tiền Giang) có ngài lão sư Đinh Đạo Ninh cũng trực tiếp tham gia khởi nghĩa kháng Pháp nên bị bắt lưu đày Côn Đảo⁷. Có thể nói, Phật đường Minh Sư là nơi kết nối các chí sĩ yêu nước hai miền Nam - Bắc đương thời trong công cuộc giải phóng dân tộc khỏi nô lệ.

Đào Duy Anh đã dành nhiều thời gian để sưu tầm và nghiên cứu văn chương cơ bút ở các đàn cơ tại Bắc Bộ. Ông phát hiện cuối thế kỷ 19 đầu thế kỷ 20, trong phong trào cơ bút ở miền Bắc Việt Nam, đền Ngọc Sơn từng ấn hành rất nhiều sách cơ bút, hiện thư viện Viện Nghiên cứu Hán Nôm vẫn còn lưu giữ khoảng 150 quyển sách giáng bút. Thông qua nghi thức cơ bút, các nhóm tôn giáo đã chế tác thành nhiều loại sổ tay tuyên truyền, thậm chí một số phần tử trí thức Nho học còn phiên dịch thành chữ Latinh tiếng Việt, truyền bá ra khỏi phạm vi Hoa kiều tinh thông Hán ngữ⁸. Các quyển sách cơ bút này kêu gọi cải cách xã hội, học tập nâng cao dân trí, tiếp thu khoa học, phát triển kinh tế, răn đe người hút thuốc uống rượu, thúc đẩy xã hội hiện đại hóa, phát triển theo kịp trào lưu tiến bộ của nhân loại.

2.3. Tác động các tôn giáo khác ở Nam Bộ ra đời

Đạo Minh Sư ở Việt Nam cuối thế kỷ 19 đầu thế kỷ 20 phát triển nhanh chóng, ảnh hưởng sâu đậm đến các tôn giáo dân gian ở Việt Nam đương thời. Từ khi thực dân Pháp xâm nhập, tinh thần chủ nghĩa dân tộc ở Việt Nam nổi dậy mạnh mẽ, nhiều tôn giáo còn trang bị vũ trang để tự vệ cho mình.

Ngoài các phái thuộc “Ngũ chi minh đạo” vốn có cùng nguồn gốc Tiên Thiên đạo với đạo Minh Sư, các tôn giáo khác, như: Bửu Sơn Kỳ Hương, Tứ Ân Hiếu Nghĩa, Cao Đài đều ít nhiều có quan hệ ảnh hưởng qua lại với đạo Minh Sư. Nhiều phương diện, như: tư tưởng, giáo lý, nghi lễ, phương pháp tu hành, của các tôn giáo này có nhiều điểm tương đồng. Theo Trần Tiến Thành, người sáng lập đạo Tứ Ân Hiếu Nghĩa là ông Ngô Lợi (1831-1890) từng là lão sư của phái Phật đường. Tương tự, đại lão sư Trần Đạo Quang cùng với hai vị môn đệ là lão sư Trần Đạo Tính, lão sư Trần Vận Chánh vốn tu hành theo đạo Minh Sư, sau động viên một số đạo hữu khác trong phái Phật đường, như: Nguyễn Văn Nguyệt, Nguyễn Văn Tương, Trần Văn Thụ vào năm 1926 tham gia vận động thành lập đạo Cao Đài. Năm 1934, đại lão sư Trần Đạo Quang và ông Cao Triều Phát trở về Cà Mau thành lập chi phái Cao Đài Hậu Giang Minh Chơn Đạo⁹.

Đến nay, nghiên cứu hệ thống kinh điển Cao Đài và Tứ Ân Hiếu Nghĩa, có thể thấy rõ có không ít mối liên hệ với hệ thống kinh điển của đạo Minh Sư.

2.4. Thúc đẩy hoạt động phiên dịch và in ấn sách vở

Đạo Minh Sư có hệ thống kinh sách rất phong phú, ngoài kinh điển Tam giáo (Nho - Phật - Đạo) còn có nhiều loại kinh sách tập hợp, luận giải, bản bạc kinh điển Tam giáo lưu truyền trong dân gian, đáng chú ý nữa là các tập số văn, văn thơ cơ bút lưu hành nội bộ trong một số Phật đường. Những quyển kinh quen thuộc có thể kể là *Ngọc Hoàng Kinh*, *Diêu Trì Kim Mẫu Kinh*, *Quan Đế Đào Viên Minh Thánh Kinh*, *Quan Thánh Giáng Bút Chân Kinh*, *Thái Thượng Cảm ứng Thiên*, *Thanh Tịnh Kinh*, *Cứu Khổ Kinh*, *Thiên Ngươn Kinh*, *Khổng Tử Tâm Kinh*, *Đạo Môn Nhật tụng*, *Thiện Môn Nhật Dụng Kinh*,... Kết quả điền dã của chúng tôi cho thấy, Quang Nam Phật đường, Nam Nhã

Phật đường đều có tàng trữ nhiều sách quý của Tiên Thiên đạo được mang từ Quảng Đông sang, như: *Nguyên Đạo Chánh Nghĩa Luận*, *Khánh Chúc Biểu Văn*, *Ngọc Lộ Kim Bàn*, *Vô Cực Truyền Tông Chí*, *Ngọc Hoàng Hồng Từ Kinh*,...

Hầu hết kinh sách của đạo Minh Sư đều bằng chữ Hán. Các chức sắc của đạo này đều rất tinh thông chữ Hán, chữ Nôm, có kiến thức Hán học và đạo học uyên thâm đáng ngưỡng mộ. Tuy nhiên, phần đông tín đồ đều không biết đọc chữ Hán, đặc biệt là tín đồ người Việt. Các chức sắc và học giả đương thời đã nhận lấy trách nhiệm to lớn là phiên dịch, biên soạn, in ấn sách vở để phổ cập giáo lý và nâng cao nhận thức cho tín đồ về đạo.

Chúng tôi thu thập được ở Quan Âm Phật đường (Long An) bản dịch tiếng Việt của *Ngọc Hoàng Kinh*, do dịch giả Mạch Quốc Thoại phiên dịch. Quyển kinh này ra đời những năm Hàm Phong triều Thanh, mô tả việc Ngọc Hoàng Thượng Đế thương xót thiên hạ sắp mặt kiếp, thế đạo băng hoại, lòng người bạc ác, nên giáng cơ dạy bảo, khuyến hóa đời tàn, như thuyền từ phổ cứu chúng sinh; người đọc kinh này được tiêu tai tăng phước, nhập thánh siêu phàm, xua tan ma quỷ. Quyển sách còn giới thiệu đến người đọc sự tích về Bàn Cổ mở trời đất, các vị tiên thánh lâm phạm hóa chúng, xây dựng đời sống thế gian. Có thể thấy, qua quyển kinh này, các học thuyết vũ trụ quan, đạo đức quan, nhân sinh quan có trong *Chu Dịch*, *Đạo Đức Kinh*, *Lý học Tống Minh*,... được phổ biến đến tín chúng. Việc phiên dịch kinh sách, khiến cho các luận thuyết tôn giáo đời nhà Thanh truyền bá đến Việt Nam, góp phần nâng cao nhận thức xã hội về văn sử triết Trung Hoa đương thời.

Ngọc Hoàng Kinh chỉ là một trong rất nhiều kinh sách Trung Hoa được lưu truyền từ Quảng Đông đến Nam Bộ. Đội ngũ dịch giả ngoài các chức sắc cao cấp đạo Minh Sư người Hoa - Việt, còn có các tín đồ thuộc tầng lớp trí thức công tác trong nhiều lĩnh vực khác nhau trong xã hội. Chẳng hạn, quyển *Dưỡng Chơn Tập* lưu hành ở Kim Long Phật đường, Nam Hòa Phật đường (Khánh Hòa) và Khánh Nam Phật đường (Tp. Hồ Chí Minh) do Nguyễn Minh Thiện dịch năm 1957. Ngoài sách này, nhà trí thức này còn dịch một loạt kinh sách khác,

như: *Minh Lý Yếu Giải, Nhị Thập Tứ Hiếu, Tứ Đại Điều Quy, Tam Quy Ngũ Giới, Hiếu Kinh, A Di Đà Kinh Diễn Nghĩa, Phật Giáo Tâm Lý Học, Thiên Pháp Yếu Giải*, v.v...

Có thể nói, kinh sách chữ Hán của Tiên Thiên đạo từ Trung Quốc truyền sang khá đa dạng, được độc giả trong đạo yêu thích tham cứu, góp phần tạo nên xu trào dịch thuật ở Nam Bộ.

2.5. Tham gia các hoạt động cứu tế, từ thiện xã hội

Trải qua quá trình lịch sử 1,5 thế kỷ, đạo Minh Sư đã chứng kiến nhiều biến thiên của xã hội Việt Nam. Các tu sĩ Minh Sư vốn đề cao lòng từ bi bác ái, cứu khổ cứu nạn, thánh tục đồng tu, nên đã tham gia nhiều hoạt động cứu tế xã hội, bao gồm thiết đàn cầu tiên ban thuốc trị bệnh, cứu nạn thời khí ôn dịch, thu nuôi trẻ bị bỏ rơi, lập đàn chẩn tế siêu độ,....

Thời kỳ đầu, trình độ y học chưa phát triển, mỗi khi xảy ra bệnh dịch nghiêm trọng, nhiều người thường hay tìm đến Phật đường để thỉnh cầu các lão sư thiết đàn cầu cơ xin thuốc trị bệnh. *Hiếu Đễ Liêm Tiết Khuyển Thiện Kinh* là một tập sách cơ bút cổ của Nam Nhã Phật đường (Cần Thơ), bên trong có chép sự việc như sau:

“Ngày mùng 4 tháng 10 năm Ất Mẹo (1915), ông Đinh Tôn Thần tại Bình Thủy giáng cơ cho thuốc. Nguyên tính Vĩnh Long mới sanh chứng bệnh lạ lùng dữ tợn, phát ra nóng nóng lạnh lạnh, ho khúc khặc, khạc ra máu chút chút rồi bí ỉa đái mà chết rất lẹ, hay lây, tội nghiệp cho thầy phó tổng Khanh, trong nửa tháng mà bà con bị truyền nhiễm chết hết 18 người, lây cho đến mấy ông điều dưỡng cũng chết hết 2 vị. Tôi hay tin thăm ấy, vội vã kính thơ, cậy ông Bùi Hữu Sanh là người đạo đức tu Minh Sư, trảng trai, làm phép thỉnh tiên, thường kẻ bệnh hay cầu xin thuốc đều mạnh. Nên nhờ ông Sanh ra công làm phước, lễ vật đèn nhang có người kính phụng”¹⁰.

Đinh Công Chánh vốn là hương chức thôn Long Tuyền, tỉnh Cần Thơ, sau chết đi hiển thần, thường giáng đàn về thị chúng. Việc quan chức địa phương đến chùa Minh Sư xin thiết đàn cầu cơ xin thuốc cho bá tánh thời đó đã rất phổ biến, Phật đường các nơi gần như xem đó là trách nhiệm tế độ chúng sinh của mình.

Tu sĩ đạo Minh Sư có rất nhiều người là thầy thuốc đông y. Theo nghiên cứu của Takeuchi Fusaji, lão sư Đình Đạo Ninh của Vận Bửu Phật đường (Gò Công) là một danh y đương thời, được dân chúng địa phương tôn xưng là Tiên y tế thế. Mục *Đạo Ninh tiên sư biểu* trong quyển *Khánh Chúc Biểu Văn*, một quyển sách giới thiệu tiêu sử của các chức sắc của đạo, có viết:

“Tiên sư là chí sĩ thương dân, bậc cao nhân đất Gia Định, lúc tuổi trẻ mộ đạo, giữ tâm không vương sắc tướng. Trưởng thành đội mũ tu chơn, trí tuệ hơn người, thoát lưới trần ai. Xiển dương đạo ở đất Nam Việt, truyền ra tận Miền Trung và Bắc Bộ. Ngài xả thân hành đạo, xa gần không ngại, dạy bảo điều hiền, phẩm hạnh răn rỏi, trừ bao tà mị, cần mẫn công lao, đúng là bậc tiên y tế thế, cứu bệnh hoàn sinh. Ngài xây ngôi Vận Bảo Phật đường, trấn giữ độ an trăm họ. Được hơn 10 năm, phổ độ ân cần, nào ngờ gặp phải tai ương trở về Tiên cung”¹¹.

Đoạn văn trên ca ngợi tài năng y dược của ngài Đình Đạo Ninh, chuyên một lòng trị bệnh cứu người, được xa gần mến mộ. Chúng tôi khi điều tra điền dã ở Nam Nhã Phật đường, biết được người sáng lập chùa này là thái lão sư Nguyễn Giác Nguyên - cũng là một danh y có tiếng trong vùng, từng được chí sĩ yêu nước Nam Bộ Bùi Hữu Nghĩa (1807-1872) dạy dỗ chữ Hán Nôm và y thuật. Hiện nay trong chùa vẫn còn bài vị thờ ông Bùi Hữu Nghĩa và con trai là Bùi Hữu Sanh¹².

Tác giả Du Tử An trong bài nghiên cứu của mình cũng có đề cập đến hoạt động từ thiện của Phật đường Minh Sư ở Sài Gòn. Ông viết: “Trong hoàn cảnh khói lửa chiến tranh, nhiều Phật đường Tiên Thiên đạo ở Việt Nam đã thu nhận, nuôi dưỡng trẻ mồ côi hoặc bị bỏ rơi. Như hai cô thái Hà Kim Liên và Hà Khiết Khanh ở Vĩnh An Đường (Sài Gòn) gần đây đã nuôi dưỡng 10 bé gái. Trường hợp Vĩnh An Đường, nguồn kinh phí lấy từ tiệm bán thức ăn chay và tiền công đúc làm pháp sự. Mỗi ngày làm lễ siêu độ trong tập tục tang ma của người Hoa vài tiếng đồng hồ được khoảng 2 triệu đồng. Phật đường cũng tổ chức cúng sao giải hạn cầu phúc cho tín chúng để có kinh phí hoạt động”¹³. Có thể thấy, Phật đường Minh Sư đã tham gia nhiều hoạt động cứu tế từ thiện xã hội, điều này cũng khớp với tư liệu điền dã tại nhiều Phật đường của chúng tôi.

Tiên Thiên đạo theo chân các nhóm di dân người Hoa đến Việt Nam, lúc đầu chủ yếu phát huy ảnh hưởng trong cộng đồng người Hoa. Vì vậy, sự sinh tồn của đạo gắn bó mật thiết với xã hội người Hoa. Trong quá trình phát triển, nhiều hoạt động từ thiện cứu tế của Phật đường đều hướng đến cộng đồng người Hoa, như Du Tử An viết: “Những năm 1950-1970, các Phật đường Tiên Thiên đạo ở Việt Nam qua lại mật thiết với các hội quán, hội tương tế, chùa miếu của người Hoa ở Chợ Lớn”¹⁴. Khi di tản ở các Phật đường Minh Sư, chúng tôi thường thấy nhiều văn bia, hoành phi, liễn đối, bảng phượng danh công đức mà người quyên tặng là các cá nhân và đoàn thể người Hoa địa phương. Việc này cho thấy mối quan hệ tương trợ tốt đẹp giữa Phật đường với cộng đồng người Hoa cư trú xung quanh.

Kết luận

Đạo Minh Sư ở Việt Nam hiện nay chỉ còn hơn 50 ngôi Phật đường, dù không nhiều so với chùa Phật hay đền miếu tín ngưỡng dân gian, nhưng hiện vật lịch sử hiện còn lưu giữ khá phong phú, giá trị văn hóa lịch sử rất lớn. Với kiến trúc chùa miếu đặc sắc, kinh sách và thơ văn cơ bút phong phú, cùng với lượng lớn hoành phi, liễn đối, văn bia bằng tư liệu Hán Nôm, có thể nói Phật đường Minh Sư là biểu hiện của quá trình giao lưu văn hóa Hoa - Việt trong quá khứ. Đạo Minh Sư cũng mang đến nhiều đóng góp cho sự vận động phát triển của xã hội Nam Bộ, nó không chỉ là trung tâm tín ngưỡng tôn giáo mà còn là tung tâm văn hóa giáo dục, góp phần thúc đẩy cải cách văn hóa xã hội cuối thế kỷ 19 đến đầu thế kỷ 20. Với hơn 1,5 thế kỷ tồn tại ở Việt Nam, chứng kiến nhiều thăng trầm của lịch sử Việt Nam cận hiện đại, đạo Minh Sư đã gắn bó với dân tộc, đất nước Việt Nam, đã phát huy tác dụng tích cực trong hoàn cảnh xã hội loạn lạc, không ngừng quan tâm nhân sinh, thúc đẩy xã hội tiến bộ hài hòa thật đáng để được tôn kính và gìn giữ.

Ngày nay, nhiều quy định khắt khe trong Phật đường đã được cân nhắc chỉnh sửa cho phù hợp với hoàn cảnh xã hội, khiến cho tín đồ dễ dàng tiếp nhận. Chẳng hạn, trước đây trong nội bộ Phật đường, bất cứ tu sĩ nào muốn gia phong phẩm trật đều phải thông qua cầu cơ thỉnh thần khai thị, đến nay việc này được Hội đồng Trưởng lão thương

ngộ biểu quyết, sau đó mới tiến hành nghi thức thiêng liêng tượng trưng. Hoặc trước đây tín đồ phát tâm cầu đạo đều phải rút xăm thính ý, những người rút xăm xấu bị từ chối tỏ ra bất mãn, đến nay việc này đã được điều chỉnh thỏa đáng. /.

CHÚ THÍCH:

- 1 Chỗ này có một thuyết khác cho rằng, Trương lão Đông Sơ (1835-1879) đầu tiên xây dựng Chiêu Minh Phật đường ở Cầu Kho (Chợ Lớn), sau đó trở về Trung Quốc chấp chương đạo mạch. Theo lời phó chúc của Kim Bí tổ sư, ngài từ Quảng Đông đến Thái Lan truyền đạo, sau đó đem Tiên Thiên đạo từ Thái Lan truyền sang Hà Tiên, xây dựng ngôi Quảng Tế Phật đường. Sau khi ngài Đông Sơ trở về Trung Quốc, Trương lão Trương Đạo Tân nhận lệnh tiếp tục sang Việt Nam, thuyền ông ghé vào cảng Quy Nhơn (Bình Định), bắt đầu xây dựng Phật đường và truyền bá Tiên Thiên đạo ở Trung Bộ. Do trước mắt chưa đủ tài liệu chứng thực thuyết nào chính xác, nên tạm thời không bàn thêm ở đây. Xem thêm: Trần Tiến Thành (2009), “Giới thiệu Phật Đường Nam Tông Minh Sư Đạo”, *Nghiên cứu Tôn giáo*, số 2, tr. 29.
- 2 Tính Không Đạo Sư (1887), *Vô Cực Truyền Tông Chí*, Tế Nhất đường phát hành, tháng 5. Sách này chỉ lưu hành nội bộ trong chùa miếu của Tiên Thiên đạo. Vấn đề tác giả sách là ai, do một hay nhiều người sáng tác, vẫn đang tiếp tục được thảo luận.
- 3 Huỳnh Ngọc Thu (2017), *Đạo Cao Đài ở Nam Bộ và các mối quan hệ*, Nxb. Đại học Quốc gia Tp. Hồ Chí Minh, tr. 6-8.
- 4 Du Tử An (2010), “Đạo mạch nam truyền: Sự truyền thừa và biến thiên của Tiên Thiên đạo từ Lĩnh Nam đến Việt Nam thế kỷ 20”, trong Trần Tiến Quốc (chủ biên, 2010), *Tôn giáo nhân loại học*, tập 2, Xã hội Khoa học Văn hiến xuất bản xã, Bắc Kinh, tr. 234.
- 5 Takeuchi Fusaji (Luu Diệp Hoa dịch, 2010), “Sự truyền bá của tôn giáo dân gian Trung Quốc và quá trình bản địa hóa ở Việt Nam: Từ kinh sách được lưu trữ tại Viện Nghiên cứu Hán Nôm”, *Thanh sử Nghiên cứu*, kỳ 1 tháng 2, tr. 18.
- 6 Takeuchi Fusaji (Luu Diệp Hoa dịch, 2010), “Sự truyền bá của tôn giáo dân gian...”, bdd, tr. 18.
- 7 Trần Tiến Thành (2009), “Giới thiệu Phật Đường Nam Tông Minh Sư Đạo”, *Nghiên cứu Tôn giáo*, số 2, tr. 27.
- 8 Takeuchi Fusaji (Luu Diệp Hoa dịch, 2010), “Sự truyền bá của tôn giáo dân gian...”, bdd, tr. 15-16.
- 9 Trần Tiến Thành (2009), “Giới thiệu Phật Đường Nam Tông Minh Sư Đạo”, *Nghiên cứu Tôn giáo*, số 2, tr. 29.
- 10 Bùi Hữu Sanh (biên tập, 1966), *Hiếu để liêm tiết khuyến thiện kinh*, Nhà in Trần Đất, Cần Thơ, tr. 77.
- 11 Takeuchi Fusaji (2014), “Từ Tiên Thiên đạo đến Cao Đài: Tôn giáo dân gian cận đại Trung Quốc cắm rễ trên đất Việt Nam”, trong Takeuchi Fusaji (2014), *Chiến tranh, tai hại và tôn giáo dân gian ở các nước Đông Á cận đại*, Công ty TNHH Yushi, Tokyo, tr. 271. Nguyên văn:

“先師平恩志士，嘉定高人，髫年慕道，澄心空色相之天。弱冠修真，慧服脫塵根之網。道闡南越，其及中北。捨身辦道，遠近不辭。引眾調賢，素稱剛勇。魔者千般，勤勞萬狀。仙醫濟世，卻病扶生。堂啟運寶，座鎮永祐。任當十葉，普度殷勤。豈料身遇非災竟赴仙宮。”

- 12 Theo quan điểm của lão sư Hồ Thanh Phong, đệ tử đời thứ 3 của thái lão sư Nguyễn Giác Nguyên, tư liệu phỏng vấn ngày 31/8/2016.
- 13 Du Từ An (2010), “Đạo mạch nam truyền: Sự truyền thừa và biến thiên của Tiên Thiên đạo từ Lĩnh Nam đến Việt Nam thế kỷ 20”, trong Trần Tiến Quốc (chủ biên, 2010), *Tôn giáo nhân loại học*, tập 2, Xã hội Khoa học Văn hiến xuất bản xã, Bắc Kinh, tr. 234.
- 14 Du Từ An (2010), “Đạo mạch nam truyền: Sự truyền thừa và biến thiên của Tiên Thiên đạo từ Lĩnh Nam đến Việt Nam thế kỷ 20”, Sdd, tr. 253.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Du Từ An (2010), “Đạo mạch nam truyền: Sự truyền thừa và biến thiên của Tiên Thiên đạo từ Lĩnh Nam đến Việt Nam thế kỷ 20”, trong Trần Tiến Quốc (chủ biên, 2010), *Tôn giáo nhân loại học*, tập 2, Xã hội Khoa học Văn hiến xuất bản xã, Bắc Kinh.
2. Bùi Hữu Sanh (biên tập, 1966), *Hiếu đễ liêm tiết khuyến thiện kinh*, Nhà in Trần Đất, Cần Thơ.
3. Takeuchi Fusaji (Lưu Diệp Hoa dịch, 2010), “Sự truyền bá của tôn giáo dân gian Trung Quốc và quá trình bản địa hóa ở Việt Nam: Từ kinh sách được lưu trữ tại Viện Nghiên cứu Hán Nôm”, *Thanh sử Nghiên cứu*, kỳ 1 tháng 2.
4. Takeuchi Fusaji (2014), “Từ Tiên Thiên đạo đến Cao Đài: Tôn giáo dân gian cận đại Trung Quốc cắm rễ trên đất Việt Nam”, trong Takeuchi Fusaji (2014), *Chiến tranh, tai hại và tôn giáo dân gian ở các nước Đông Á cận đại*, Công ty Yushi, Tokyo.
5. Trần Tiến Thành (2009), “Giới thiệu Phật Đường Nam Tông Minh Sư Đạo”, *Nghiên cứu Tôn giáo*, số 2.
6. Huỳnh Ngọc Thu (2017), *Đạo Cao Đài ở Nam Bộ và các mối quan hệ*, Nxb. Đại học Quốc gia Tp. Hồ Chí Minh.
7. Tỉnh Không Đạo Sư (1887), *Vô Cực Truyền Tông Chí*, Tế Nhất đường phát hành, tháng 5.

Abstract**MINH SU RELIGION IN SOCIAL LIFE OF INHABITANTS IN THE SOUTHERN VIETNAM FROM THE SECOND HALF OF THE 19TH CENTURY TO THE FIRST HALF OF THE 20TH CENTURY****Nguyen Thanh Phong***Department of Education, An Giang University*

Minh Su religion was introduced into Vietnam at the end of the 19th century by Dongchu monk of Xiantiandao in Chaoyuandong (Guangdong). Then this religion was spread over the country. During its most flourishing period, from the second half of the 19th century to the first half of the 20th century, Minh Su religion built more than 100 temples (often called Buddhist temple) throughout Vietnam, attracted thousands of the Chinese and Vietnamese followers. Over 150 years of historical vicissitude, Minh Su religion has left more than 50 temples, mostly situated in the area from Hue city to the South Vietnam. Those temples with the Chinese style have preserved many cultural assets such as architecture, sculpture, image, plaques, parallel sentences, inscription, scriptures, etc. The temples were not only the spiritual space but also the convergence of the patriotic Vietnamese in the resistance to the French colonialists. It can be said that Minh Su religion has influenced and had a great contribution to the development of the South Vietnam society.

Keywords: South; Minh Su religion; Xiantiandao.